|  |  |
| --- | --- |
| BỘ XÂY DỰNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/TT-BXD | Hà Nội, ngày tháng năm 2024 |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, xét**

**thăng hạng, bổ nhiệm và xếp lương viên chức chuyên ngành xây dựng**

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ pháp chế,*

*Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, xét thăng hạng, bổ nhiệm và xếp lương viên chức chuyên ngành xây dựng.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định:

a) Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành xây dựng.

b) Điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành xây dựng.

c) Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành xây dựng.

2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành xây dựng trong các đơn vị sự nghiệp công có tham gia hoạt động xây dựng.

**Điều 2. Mã số chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành**

1. Nhóm chức danh nghề nghiệp kiến trúc sư, bao gồm:

a) Kiến trúc sư hạng I  Mã số: V.04.01.01

b) Kiến trúc sư hạng II  Mã số: V.04.01.02

c) Kiến trúc sư hạng III  Mã số: V.04.01.03

2. Nhóm chức danh nghề nghiệp thẩm kế viên, bao gồm:

a) Thẩm kế viên hạng I  Mã số: V.04.02.04

b) Thẩm kế viên hạng II  Mã số: V.04.02.05

c) Thẩm kế viên hạng III  Mã số: V.04.02.06

d) Thẩm kế viên hạng IV Mã số: V.04.02.07

**Điều 3. Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp**

1. Có tinh thần trách nhiệm, luôn tuân thủ pháp luật; luôn thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

2. Trung thực, khách quan, thẳng thắn, trách nhiệm, tận tụy, sáng tạo, đóng góp trí tuệ, tài năng vào sự nghiệp phát triển ngành xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; có phương pháp làm việc khoa học; giữ bí mật quốc gia.

**Chương II**

**TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

**Mục 1**

**CHỨC DANH KIẾN TRÚC SƯ**

**Điều 4. Kiến trúc sư hạng I - Mã số: V.04.01.01**

1. Nhiệm vụ

a) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng và thực hiện định hướng, chiến lược, chương trình quốc gia thuộc lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch xây dựng;

b) Chủ trì tổ chức biên soạn, hệ thống hóa tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế, quản lý trong lĩnh vực kiến trúc và quy hoạch xây dựng;

c) Chủ trì nghiên cứu đề xuất các phương án đầu tư khoa học công nghệ và chế độ quản lý kỹ thuật trong công tác thiết kế kiến trúc, quy hoạch xây dựng phù hợp với tình hình, đặc điểm và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước và từng địa phương;

d) Chủ nhiệm đồ án hoặc chủ trì bộ môn chuyên ngành của các loại đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh, tỉnh, liên huyện, huyện, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù có quy mô dân số tương tương đô thị loại I; chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm tra thiết kế các công trình cấp I trở lên hoặc chủ nhiệm lập dự án nhóm A;

đ) Tổ chức nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phát triển, nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch;

e) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực chuyên môn của đơn vị;

g) Chủ trì chuẩn bị nội dung cho các cuộc họp tại đơn vị, hội thảo chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước;

h) Chủ trì biên soạn, biên tập các tài liệu, giáo trình hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch xây dựng; tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ cho các chức danh kiến trúc sư hạng thấp hơn;

i) Chủ trì tổ chức tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc phổ biến kinh nghiệm trong ngành, lĩnh vực xây dựng để nâng cao trình độ cho các chức danh kiến trúc sư hạng thấp hơn.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về kiến trúc, quy hoạch xây dựng; nắm vững định hướng, nhiệm vụ phát triển kiến trúc, quy hoạch của ngành;

b) Am hiểu các thông tin kinh tế - kỹ thuật trong và ngoài nước, am hiểu tình hình sản xuất, trình độ công nghệ nói chung và tình hình sản xuất, trình độ công nghệ của ngành; nắm chắc, kịp thời các thành tựu và xu hướng phát triển trong lĩnh vực kiến trúc và quy hoạch xây dựng, những tiến bộ về kiến trúc, quy hoạch quan trọng trong và ngoài nước;

c) Có kiến thức và kinh nghiệm về hoạt động kiến trúc, quy hoạch xây dựng và những kiến thức cơ bản của một số chuyên ngành kỹ thuật liên quan;

d) Có năng lực nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và đề xuất giải pháp hoặc tham gia xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực;

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ đại học chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch xây dựng trở lên phù hợp với phạm vi thực hiện nhiệm vụ;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiến trúc sư hoặc có chứng chỉ hành nghề tương ứng theo quy định của pháp luật.

**Điều 5. Kiến trúc sư hạng II - Mã số: V.04.01.02**

1. Nhiệm vụ

a) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng và thực hiện định hướng, chiến lược, chương trình quốc gia thuộc lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch xây dựng;

b) Tổ chức biên soạn, hệ thống hóa tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế, quản lý trong lĩnh vực kiến trúc và quy hoạch xây dựng;

c) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu đề xuất các phương án đầu tư khoa học công nghệ và chế độ quản lý kỹ thuật trong công tác thiết kế kiến trúc, quy hoạch xây dựng phù hợp với tình hình, đặc điểm và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước và từng địa phương;

d) Chủ nhiệm đồ án hoặc chủ trì bộ môn chuyên ngành của các loại đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, liên huyện, huyện, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù có quy mô dân số tương tương đô thị loại II, quy hoạch phân khu, quy hoạch xây dựng nông thôn; chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm tra thiết kếcác công trình cấp II trở lên hoặc chủ nhiệm lập dự án nhóm B;

đ) Tham gia nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phát triển, nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch xây dựng;

e) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực chuyên môn của đơn vị;

g) Tham gia chuẩn bị nội dung cho các cuộc họp tại đơn vị, hội thảo chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước;

h) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn, biên tập các tài liệu, giáo trình hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch xây dựng cho các chức danh kiến trúc sư hạng thấp hơn theo yêu cầu phát triển lực lượng cơ sở;

i) Tổ chức hoặc tham gia tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc phổ biến kinh nghiệm trong ngành, lĩnh vực xây dựng để nâng cao trình độ cho các chức danh kiến trúc sư hạng thấp hơn.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về kiến trúc, quy hoạch xây dựng; nắm vững định hướng, nhiệm vụ phát triển kiến trúc, quy hoạch của ngành;

b) Am hiểu các thông tin kinh tế - kỹ thuật trong nước, am hiểu tình hình sản xuất, trình độ công nghệ nói chung và tình hình sản xuất, trình độ công nghệ của ngành; cập nhật kịp thời các thành tựu và xu hướng phát triển trong lĩnh vực kiến trúc và quy hoạch xây dựng, những tiến bộ về kiến trúc, quy hoạch quan trọng trong và ngoài nước;

c) Có kiến thức và kinh nghiệm trong hoạt động kiến trúc, quy hoạch xây dựng và những kiến thức cơ bản của một chuyên ngành kỹ thuật liên quan;

d) Có năng lực nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và đề xuất giải pháp hoặc tham gia xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực;

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ đại học chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch xây dựng trở lên phù hợp với phạm vi thực hiện nhiệm vụ;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiến trúc sư hoặc có chứng chỉ hành nghề tương ứng theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Kiến trúc sư hạng III - Mã số: V.04.01.03**

1. Nhiệm vụ

a) Tham gia xây dựng và thực hiện các định hướng, chiến lược, chương trình quốc gia thuộc lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch xây dựng;

b) Tham gia biên soạn, hệ thống hóa tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế, quản lý trong lĩnh vực kiến trúc và quy hoạch xây dựng;

c) Chủ nhiệm đồ án hoặc chủ trì bộ môn chuyên ngành của các loại đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, quy hoạch xây dựng nông thôn; chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm tra thiết kế các công trình cấp III trở lên hoặc chủ nhiệm lập dự án nhóm C;

d) Tham gia nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phát triển, nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch xây dựng;

đ) Tham gia thực hiện các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực chuyên môn của đơn vị;

e) Tham gia chuẩn bị nội dung cho các cuộc họp tại đơn vị, hội thảo chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước;

g) Tham gia biên soạn, biên tập các tài liệu, giáo trình hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch xây dựng theo yêu cầu phát triển lực lượng cơ sở.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Hiểu biết cơ bản quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về kiến trúc, quy hoạch xây dựng; nắm được cơ bản định hướng, nhiệm vụ phát triển kiến trúc, quy hoạch của ngành;

b) Hiểu biết cơ bản các thông tin kinh tế - kỹ thuật trong nước, tình hình sản xuất, trình độ công nghệ nói chung và tình hình sản xuất, trình độ công nghệ của ngành nói riêng; có kiến thức về các thành tựu và xu hướng phát triển trong lĩnh vực kiến trúc và quy hoạch xây dựng, những tiến bộ về kiến trúc, quy hoạch quan trọng trong nước;

c) Có kiến thức cơ bản về chuyên môn trong hoạt động kiến trúc, quy hoạch xây dựng;

d) Có khả năng đề xuất và nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học để nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ;

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ đại học chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch xây dựng phù hợp với phạm vi thực hiện nhiệm vụ;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiến trúc sư hoặc có chứng chỉ hành nghề tương ứng theo quy định của pháp luật.

**Mục 2**

**CHỨC DANH THẨM KẾ VIÊN**

**Điều 7. Thẩm kế viên hạng I - V.04.02.04**

1. Nhiệm vụ

a) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình;

b) Chủ trì tổ chức biên soạn, hệ thống hóa tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình;

c) Chủ trì nghiên cứu đề xuất các phương án đầu tư khoa học công nghệ, vật liệu xây dựng mới và chế độ quản lý kỹ thuật trong xây dựng công trình phù hợp với tình hình, đặc điểm và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước và từng địa phương;

d) Chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm tra thiết kế các công trình cấp I trở lên hoặc chủ nhiệm lập hoặc thẩm định, thẩm tra dự án nhóm A;

đ) Tổ chức nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phát triển, nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực xây dựng công trình, quản lý dự án đầu tư xây dựng;

e) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực chuyên môn của đơn vị;

g) Chủ trì chuẩn bị nội dung cho các cuộc hội thảo chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước;

h) Chủ trì biên soạn, biên tập các tài liệu, giáo trình hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trong xây dựng công trình;

i) Tổ chức hoặc tham gia tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc phổ biến kinh nghiệm trong ngành, lĩnh vực xây dựng để nâng cao trình độ cho các chức danh thẩm kế viên hạng thấp hơn.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước trong hoạt động xây dựng; nắm vững định hướng, nhiệm vụ phát triển của ngành xây dựng;

b) Am hiểu các thông tin kinh tế - kỹ thuật trong và ngoài nước, am hiểu tình hình sản xuất, trình độ công nghệ nói chung và tình hình sản xuất, trình độ công nghệ của ngành; nắm chắc, kịp thời các thành tựu và xu hướng phát triển trong hoạt động xây dựng, những tiến bộ về công nghệ, vật liệu xây dựng quan trọng trong và ngoài nước;

c) Có kiến thức và kinh nghiệm về hoạt động quản lý dự án đầu tư xây dựng, công tác thẩm định, thẩm tra xây dựng và những kiến thức cơ bản của một số chuyên ngành kỹ thuật liên quan;

d) Có năng lực nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và đề xuất giải pháp hoặc tham gia xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực;

đ) Có khả năng nghiên cứu, chỉ đạo nghiên cứu các đề tài khoa học cấp cấp bộ, cấp cơ sở, trực tiếp giảng dạy và truyền đạt kiến thức cho đội ngũ viên chức trong cùng chuyên ngành;

e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ đại học chuyên ngành kiến trúc hoặc xây dựng trở lên phù hợp với phạm vi thực hiện nhiệm vụ;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thẩm kế viên hoặc chứng chỉ hành nghề tương ứng theo quy định của pháp luật.

**Điều 8. Thẩm kế viên hạng II - Mã số: V.04.02.05**

1. Nhiệm vụ:

a) Tham mưu đề xuất với cơ quan quản lý nhà nước trong việc nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình;

b) Tổ chức biên soạn, hệ thống hóa tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình;

c) Tham gia nghiên cứu đề xuất các phương án đầu tư khoa học công nghệ, vật liệu xây dựng mới và chế độ quản lý kỹ thuật trong xây dựng công trình phù hợp với tình hình, đặc điểm và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước và từng địa phương;

d) Chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm tra thiết kế các công trình cấp II trở lên hoặc chủ nhiệm lập hoặc thẩm định, thẩm tra dự án nhóm B;

đ) Tham gia nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phát triển, nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực xây dựng công trình, quản lý dự án đầu tư xây dựng;

e) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực chuyên môn của đơn vị;

g) Tham gia chuẩn bị nội dung cho các cuộc hội thảo chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước;

h) Tham gia biên soạn, biên tập các tài liệu, giáo trình hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trong xây dựng công trình cho các chức danh thẩm kế viên hạng thấp hơn theo yêu cầu phát triển lực lượng cơ sở;

i) Tổ chức hoặc tham gia tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc phổ biến kinh nghiệm trong ngành, lĩnh vực xây dựng để nâng cao trình độ cho các chức danh thẩm kế viên hạng thấp hơn.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Hiểu biết quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước trong hoạt động xây dựng; nắm vững định hướng, nhiệm vụ phát triển của ngành xây dựng;

b) Am hiểu các thông tin kinh tế - kỹ thuật trong nước, am hiểu tình hình sản xuất, trình độ công nghệ nói chung và tình hình sản xuất, trình độ công nghệ của ngành; nắm kịp thời các thành tựu và xu hướng phát triển trong hoạt động xây dựng, những tiến bộ về công nghệ, vật liệu xây dựng quan trọng trong và ngoài nước;

c) Có kiến thức và kinh nghiệm về hoạt động quản lý dự án đầu tư xây dựng, công tác thẩm định, thẩm tra xây dựng và những kiến thức cơ bản của một chuyên ngành kỹ thuật liên quan;

d) Có năng lực nghiên cứu, tổng kết thực tiễn;

đ) Có khả năng nghiên cứu, chỉ đạo nghiên cứu các đề tài khoa học cấp cấp bộ, trực tiếp giảng dạy và truyền đạt kiến thức cho đội ngũ viên chức trong cùng chuyên ngành;

e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ đại học chuyên ngành kiến trúc hoặc xây dựng trở lên phù hợp với phạm vi thực hiện nhiệm vụ;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thẩm kế viên hoặc chứng chỉ hành nghề tương ứng theo quy định của pháp luật.

**Điều 9. Thẩm kế viên hạng III - Mã số V.04.02.06**

1. Nhiệm vụ:

a) Tham gia biên soạn, hệ thống hóa tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình;

b) Tham gia nghiên cứu đề xuất các phương án đầu tư khoa học công nghệ, vật liệu xây dựng mới và chế độ quản lý kỹ thuật trong xây dựng công trình phù hợp với tình hình, đặc điểm và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước và từng địa phương;

c) Tập hợp phân tích, đánh giá và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện công tác thẩm kế lên cấp trên và chịu sự chỉ đạo nghiệp vụ kỹ thuật của các viên chức quản lý cấp cao hơn trong cùng hệ thống;

d) Chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm tra thiết kế các công trình cấp III trở lên hoặc chủ nhiệm lập hoặc thẩm định, thẩm tra dự án nhóm C;

đ) Tham gia nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phát triển, nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực xây dựng công trình, quản lý dự án đầu tư xây dựng;

e) Tham gia các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực chuyên môn của đơn vị;

g) Tham gia chuẩn bị nội dung cho các cuộc hội thảo chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước;

h) Tham gia biên soạn, biên tập các tài liệu, giáo trình hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trong xây dựng công trình cho các chức danh thẩm kế viên hạng thấp hơn theo yêu cầu phát triển lực lượng cơ sở.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Hiểu biết quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước trong hoạt động xây dựng; nắm được cơ bản định hướng, nhiệm vụ phát triển của ngành xây dựng;

b) Hiểu biết cơ bản thông tin kinh tế - kỹ thuật trong nước, am hiểu tình hình sản xuất, trình độ công nghệ nói chung và tình hình sản xuất, trình độ công nghệ của ngành; có kiến thức các thành tựu và xu hướng phát triển trong hoạt động xây dựng, những tiến bộ về công nghệ, vật liệu xây dựng quan trọng trong nước;

c) Có kiến thức cơ bản về chuyên môn trong hoạt động quản lý dự án đầu tư xây dựng, công tác thẩm định, thẩm tra xây dựng và những kiến thức cơ bản của một chuyên ngành kỹ thuật liên quan;

d) Có khả năng đề xuất và nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học để nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ;

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ đại học chuyên ngành kiến trúc hoặc xây dựng phù hợp với phạm vi thực hiện nhiệm vụ;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thẩm kế viên hoặc chứng chỉ hành tương ứng theo quy định của pháp luật.

**Điều 10. Thẩm kế viên hạng IV - Mã số: V.04.02.07**

1. Nhiệm vụ

a) Thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật thông thường trong công tác thiết kế, thẩm định, thẩm tra theo từng bộ môn, các công việc có tính chất thường xuyên, lặp đi lặp lại theo một quy trình cụ thể;

b) Thực hiện nhiệm vụ quản lý quy trình thực hiện công tác thiết kế, thẩm định, thẩm tra trong phạm vi được giao theo sự hướng dẫn của chức danh thẩm kế viên hạng cao hơn;

c) Tham gia nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phát triển, nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực xây dựng công trình, quản lý dự án đầu tư xây dựng;

d) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực chuyên môn của đơn vị;

đ) Tham gia chuẩn bị nội dung cho các cuộc hội thảo chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm được những nội dung cơ bản về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế kỹ thuật của ngành và đơn vị;

b) Có kiến thức lý thuyết cơ sở về chuyên môn, nghiệp vụ lĩnh vực được phân công thẩm kế; có khả năng thực hành thông thạo các nhiệm vụ kỹ thuật thông thường được đảm nhiệm;

c) Nắm được các quy định về thủ tục hành chính, nghiệp vụ quản lý; nắm được những vấn đề cơ bản về quản lý xây dựng, tổ chức lao động khoa học và thông tin quản lý.

d) Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng, các trang thiết bị khác phục vụ thực hiện nhiệm vụ.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ trung cấp chuyên ngành xây dựng, kiến trúc, quy hoạch trở lên phù hợp với phạm vi thực hiện nhiệm vụ.

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thẩm kế viên hoặc chứng chỉ hành nghề tương ứng theo quy định của pháp luật.

**Chương III**

**XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

**VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

**Điều 11. Căn cứ, nguyên tắc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

1. Việc cử viên chức chuyên ngành xây dựng tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Viên chức chuyên ngành xây dựng được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành xây dựng phải bảo đảm theo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

4. Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành xây dựng không được bảo lưu cho các đợt xét thăng hạng lần sau.

**Điều 12. Tiêu chuẩn, điều kiện xét chung**

1. Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức).

2. Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành của hạng dự xét thăng hạng quy định tại Thông tư này.

3. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp, cụ thể như sau:

a) Viên chức xét thăng hạng từ hạng II lên hạng I có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành xây dựng hạng II hoặc tương đương từ đủ 06 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành xây dựng hạng II ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

b) Viên chức xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành xây dựng hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành xây dựng hạng III ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

**Điều 13. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I**

Viên chức chuyên ngành xây dựng xét thăng hạng từ hạng II lên hạng I phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện chung quy định tại Điều 12 Thông tư này và tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể như sau:

1. Đối với viên chức chuyên ngành kiến trúc sư, trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương đạt một trong các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành hoặc là người tham gia chính 01 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh;

b) Chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành hoặc là người tham gia chính 02 (hai) đồ án quy hoạch vùng tỉnh;

c) Chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành hoặc là người tham gia chính 03 (ba) đồ án quy hoạch vùng liên huyện;

d) Chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành hoặc là người tham gia chính 05 (năm) đồ án quy hoạch vùng huyện;

đ) Chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành hoặc là người tham gia chính 05 (năm) đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù.

e) Chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế hoặc là người tham gia chính ít nhất 02 (hai) công trình cấp I hoặc 03 (ba) công trình cấp II đã được nghiệm thu.

g) Chủ nhiệm lập ít nhất 02 (hai) dự án nhóm A hoặc 03 (ba) dự án nhóm B.

h) Chủ trì hoặc là người tham gia chính ít nhất 01 (một) đề tài khoa học và công nghệ hoặc 01 (một) dự án sự nghiệp cấp quốc gia (hoặc chủ trì ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc 02 dự án sự nghiệp cấp bộ, cấp tỉnh) trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

2. Đối với viên chức chuyên ngành thẩm kế viên, trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương đạt một trong các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế hoặc là người tham gia chính ít nhất 02 (hai) công trình cấp I hoặc 03 (ba) công trình cấp II đã được nghiệm thu;

b) Chủ nhiệm lập hoặc thẩm định, thẩm tra ít nhất 02 (hai) dự án nhóm A hoặc 03 (ba) dự án nhóm B;

c) Chủ trì hoặc là người tham gia chính ít nhất 01 (một) đề tài khoa học và công nghệ hoặc 01 (một) dự án sự nghiệp cấp quốc gia (hoặc chủ trì ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc 02 dự án sự nghiệp cấp bộ, cấp tỉnh) trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch, xây dựng công trình đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

**Điều 14. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II**

Viên chức chuyên ngành xây dựng xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện chung quy định tại Điều 12 Thông tư này và tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể như sau:

1. Đối với viên chức chuyên ngành kiến trúc sư, trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương đạt một trong các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành hoặc là người tham gia chính 01 (một) đồ án quy hoạch vùng tỉnh;

b) Chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành hoặc là người tham gia chính 02 (hai) đồ án quy hoạch vùng liên huyện;

c) Chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành hoặc là người tham gia chính 03 (ba) đồ án quy hoạch vùng huyện;

d) Chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành hoặc là người tham gia chính 03 (ba) đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù.

đ) Chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế kiến trúc hoặc là người tham gia chính của 01 (một) công trình cấp II hoặc 03 (ba) công trình cấp III đã được nghiệm thu.

e) Chủ nhiệm lập ít nhất 01 (một) dự án nhóm B hoặc 03 (ba) dự án nhóm C.

g) Chủ trì hoặc là người tham gia chính ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc 01 dự án sự nghiệp cấp bộ, cấp tỉnh trở lên (hoặc chủ trì ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc 02 dự án sự nghiệp cấp cơ sở) trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

2. Đối với viên chức chuyên ngành thẩm kế viên, trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương đạt một trong các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế hoặc là người tham gia chính của ít nhất 01 (một) công trình cấp II hoặc 03 (ba) công trình cấp III đã được nghiệm thu;

b) Chủ nhiệm lập hoặc thẩm định, thẩm tra ít nhất 01 (một) dự án nhóm B hoặc 03 (ba) dự án nhóm C;

c) Chủ trì hoặc là người tham gia chính ít nhất 01 đề tài khoa học và công nghệ hoặc 01 dự án sự nghiệp cấp bộ, cấp tỉnh (hoặc chủ trì ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc 02 dự án sự nghiệp cấp cơ sở) trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch, xây dựng công trình đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

**Điều 15. Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập.**

Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

**Chương IV**

**BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

**VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

**Điều 16. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành xây dựng**

1. Việc bổ nhiệm và xếp lương vào các chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành xây dựng phải căn cứ vào vị trí việc làm, chuyên môn, nghiệp vụ đang đảm nhận và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này.

2. Khi bổ nhiệm và xếp lương vào các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành xây dựng tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

**Điều 17. Bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành xây dựng.**

1. Các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành xây dựng quy định tại Thông tư này được áp dụng theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước (bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, cụ thể như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp kiến trúc sư hạng I, chức danh nghề nghiệp thẩm kế viên hạng I được áp dụng hệ số lương viên chức loại A3, nhóm A3.1 (từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00);

b) Chức danh nghề nghiệp kiến trúc sư hạng II, chức danh nghề nghiệp thẩm kế viênhạng II được áp dụng hệ số lương viên chức loại A2, nhóm A2.1 (từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78);

c) Chức danh nghề nghiệp kiến trúc sư hạng III, chức danh nghề nghiệp thẩm kế viên hạng III được áp dụng hệ số lương viên chức loại A1 (từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98);

d) Chức danh nghề nghiệp thẩm kế viên hạng IV được áp dụng hệ số lương viên chức loại B, (từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06).

2. Sau khi hết thời gian tập sự theo quy định thì người tập sự được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành xây dựng theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và được xếp lương như sau:

a) Trường hợp có trình độ đào tạo tiến sĩ có chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh thì được xếp bậc 3, hệ số 3,00 của chức danh nghề kiến trúc sư hạng III (mã số V.04.01.03), chức danh nghề nghiệp thẩm kế viên hạng III (mã số V.04.02.06);

b) Trường hợp có trình độ đào tạo thạc sĩ có chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh thì được xếp bậc 2, hệ số 2,67 của chức danh nghề kiến trúc sư hạng III (mã số V.04.01.03), chức danh nghề nghiệp thẩm kế viên hạng III (mã số V.04.02.06);

c) Trường hợp có trình độ đào tạo đại học có chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh thì được xếp bậc 1, hệ số 2,34 của chức danh nghề kiến trúc sư hạng III (mã số V.04.01.03), chức danh nghề nghiệp thẩm kế viên hạng III (mã số V.04.02.06);

d) Trường hợp có trình độ đào tạo cao đẳng có chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh thì được xếp bậc 2, hệ số 2,06 của chức danh nghề nghiệp thẩm kế viên hạng IV (mã số V.04.02.07);

đ) Trường hợp khi tuyển dụng có trình độ đào tạo trung cấp với chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh thì được xếp bậc 1, hệ số 1,86 của chức danh nghề nghiệp thẩm kế viên hạng IV (mã số V.04.02.07);

3. Viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh viên chức chuyên ngành xây dựng theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

4. Việc chuyển xếp lương đối với viên chức chuyên ngành xây dựng trúng tuyển kỳ xét thăng hạng và từ chức danh nghề nghiệp khác sang chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành xây dựng thực hiện theo quy định tại Thông tư này thực hiện theo hướng dẫn tại Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 18. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ viên chức chuyên ngành xây dựng trong các đơn vị sự nghiệp công lập có tham gia hoạt động xây dựng.

2. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm rà soát các vị trí việc làm của đơn vị; quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành xây dựng theo phân cấp.

3. Các cơ sở, tổ chức, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập được áp dụng các quy định tại Thông tư này để tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ người làm việc về chuyên ngành xây dựng.

**Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp chuyên ngành xây dựng theo quy định của pháp luật từ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được xác định là đáp ứng quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành xây dựng quy định tại Thông tư này tương ứng với chức danh nghề nghiệp đã được bổ nhiệm.

2. Viên chức đã có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các hạng viên chức chuyên ngành xây dựng từ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được xác định là đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành xây dựng để tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp quy định tại Thông tư này.

**Điều 20. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BXD-BNV ngày ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành xây dựng.

3.Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật đã sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

**Điều 21. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Văn phòng Trung ương Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các Hội, đoàn thể;- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Bộ Xây dựng: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc Bộ;- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc Bộ;- Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ;- Lưu: Bộ Xây dựng (VT, TCCB). | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Thanh Nghị** |